

Số: 2141/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

Kc: a Nam,
NVC

Ty (21/11)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các đơn vị được giao chủ trì tổ chức thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này xây dựng, ban hành kế hoạch trước ngày 30/11/2018 để thực hiện đúng nội dung đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lha*

Nơi nhận: *lha*

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, VP. (50)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng
Đinh Tiến Dũng

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. Phương án cắt giảm

I. Tổng cục Hải quan

1. Thủ tục tư vấn cho công dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính hải quan

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục này thực hiện theo quy định của Tổng thanh tra Chính phủ, việc công bố thuộc trách nhiệm của Tổng Thanh tra Chính phủ.

1.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của ngành Hải quan

2. Thủ tục cấp lại danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế và phiếu theo dõi trừ lùi

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã bỏ TTHC này.

2.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của ngành Hải quan

3. Thủ tục sao y tờ khai hải quan bản chính do cơ quan Hải quan lưu trong bộ hồ sơ hoàn, không thu thuế

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Quy định về TTHC này tại Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

3.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của ngành Hải quan

4. Thủ tục bảo lãnh chung theo Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 thì việc xuất trình thư bảo lãnh chỉ là một bước trong quá trình làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

4.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của ngành Hải quan

5. Thủ tục bảo lãnh riêng theo Điều 43 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 thì việc xuất trình thư bảo lãnh chỉ là một bước trong quá trình làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa.

5.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của ngành Hải quan

II. Kho bạc nhà nước

1. Thủ tục nhận gửi và bảo quản các loại tài sản quý hiếm và giấy tờ có giá tại KBNN

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: theo quy định của Luật phí, lệ phí năm 2015, khoản phí về nhận gửi và bảo quản các loại tài sản quý và giấy tờ có giá tại KBNN không nằm trong danh mục phí, lệ phí. Vì vậy, không còn cơ sở để triển khai thực hiện.

1.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước

2. Thủ tục giao tài sản quý hiếm và giấy tờ có giá do KBNN nhận gửi và bảo quản

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: theo quy định của Luật phí, lệ phí năm 2015, khoản phí về nhận gửi và bảo quản các loại tài sản quý và giấy tờ có giá tại KBNN không nằm trong danh mục phí, lệ phí. Vì vậy, không còn cơ sở để triển khai thực hiện.

2.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước.

3. thủ tục đối chiếu, xác nhận số dư dự toán, số dư tạm ứng NSNN đề nghị xét chuyển sang năm sau

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Luật NSNN năm 2015 (Điều 64) và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 (Điều 43) đã quy định cụ thể các trường hợp được chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau tiếp tục sử dụng, không quy định việc xét chuyển nguồn được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp

3.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước.

4. Thủ tục thanh toán vốn Chương trình 5 triệu ha rừng

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: vì các Chương trình này đến nay đã kết thúc.

4.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước.

5. Thủ tục thanh toán vốn Chương trình 135 giai đoạn II

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: vì các Chương trình này đến nay đã kết thúc.

5.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước.

6. Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn cũng được quản lý như đối với nguồn vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN và thực hiện theo thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN và nguồn kinh phí thực hiện các công trình sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên từ nguồn kinh phí thường xuyên của NSNN trong các lĩnh vực theo quy định của Luật NSNN; nguồn phí được để lại theo chế độ để chi thường xuyên qua KBNN; không cần thiết phải quy định TTHC riêng đối với nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn.

6.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Kho bạc nhà nước.

III. Ủy ban Chứng khoán nhà nước

1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Quyết định 832 của BTC ngày 31/5/2018 về cắt giảm Điều kiện kinh doanh không yêu cầu các đ/k nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK.

1.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Ủy ban Chứng khoán.

2. Nhóm thủ tục: Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của doanh nghiệp thành lập mới thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng; Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng để thành lập mới doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ cao; Đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để thành lập mới tổ chức tín dụng cổ phần

2.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 03 thủ tục này thành thủ tục Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của doanh nghiệp thành lập mới thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng, lĩnh vực công nghệ cao, hoặc thành lập mới tổ chức tín dụng

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

2.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

3. Nhóm thủ tục: Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng; Đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo ra công chúng; Đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có kèm theo chứng quyền ra công chúng của công ty cổ phần

3.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 03 thủ tục này thành thủ tục Đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có kèm theo chứng quyền ra công chúng của công ty cổ phần

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

3.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

4. Nhóm thủ tục: Đăng ký mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ của công ty đại chúng; Đăng ký bán cổ phiếu quỹ của công ty đại chúng

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Đăng ký mua lại hoặc bán cổ phiếu quỹ của công ty đại chúng

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

4.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

5. Thủ tục Đề nghị xác nhận báo cáo về việc mua cổ phiếu quỹ của công ty quản lý quỹ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do mua cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ;

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị gộp 02 thủ tục này thành thủ tục xác nhận báo cáo về việc mua cổ phiếu quỹ của công ty quản lý quỹ

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

5.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

6. Nhóm thủ tục: Đề nghị xác nhận báo cáo về việc tăng vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do tăng vốn điều lệ.

6.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 02 thủ tục này thành thủ tục đề nghị xác nhận báo cáo về việc tăng vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

6.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

7. Nhóm thủ tục: Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do hợp nhất; Đề nghị chấp thuận sáp nhập công ty quản lý quỹ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do nhận sáp nhập

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 03 thủ tục này thành thủ tục Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do hợp nhất

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

7.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

8. Đề nghị xác nhận báo cáo về việc công ty quản lý quỹ sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu, thưởng cho người lao động

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

8.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Ủy ban Chứng khoán

9. Nhóm thủ tục: Đề nghị chấp thuận đóng cửa văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ; Quyết định chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

9.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

10. Đề nghị chấp thuận đóng cửa chi nhánh công ty quản lý quỹ; Quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đề nghị gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục Quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh công ty quản lý quỹ

10.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

11. Nhóm thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ/ Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện công ty quản lý quỹ do thay đổi tên công ty/ chi nhánh/ văn phòng đại diện của công ty quản lý quỹ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

11.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

11.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

12. Nhóm thủ tục: Đề nghị chấp thuận giải thể công ty quản lý quỹ; Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ sau khi báo cáo kết quả giải thể.

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ sau khi báo cáo kết quả giải thể

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

12.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

13. Gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ mở

13.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

13.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Ủy ban Chứng khoán

14. Nhóm thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng khẩn đăng ký thành lập quỹ mở; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ do chuyển đổi quỹ đóng thành quỹ mở.

14.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng khẩn đăng ký thành lập quỹ mở

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

14.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

15. Nhóm thủ tục: Đăng ký thành lập quỹ đóng; Đề nghị xác nhận việc thành lập quỹ thành viên.

15.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục Đăng ký thành lập quỹ đóng, xác nhận việc thành lập quỹ thành viên

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

15.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

16. Nhóm thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng do phát hành thêm chứng chỉ quỹ để tăng vốn; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng do nhận sáp nhập; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đóng/ Thông báo xác nhận lập quỹ thành viên do gia hạn thời gian hoạt động

16.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 03 thủ tục này thành 01 thủ tục Điều chỉnh GCN đăng ký thành lập quỹ đóng

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

16.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

17. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do tăng, giảm vốn điều lệ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do nhận sáp nhập; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do gia hạn thời gian hoạt động

17.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 03 thủ tục này thành 01 thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

17.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

18. Nhóm thủ tục: *Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ do tăng, giảm vốn điều lệ; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ do nhận sáp nhập; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán/ Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ/ Thông báo xác nhận lập quỹ thành viên do thay đổi ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký.*

18.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 03 thủ tục này thành 01 thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

18.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

19. Đề nghị Xác nhận báo cáo cung cấp dịch vụ giám sát quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

19.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đề nghị Xác nhận này thuộc trường hợp thực hiện theo thủ tục, thành phần hồ sơ thành lập quỹ

19.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của Ủy ban Chứng khoán

20. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do thay đổi người đại diện theo pháp luật; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán do thay đổi vốn điều lệ

20.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán do thay đổi vốn điều lệ hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

20.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

21. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

21.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do bổ sung hoặc rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

21.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

22. Đề nghị chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán; Đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán; Đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán

22.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 03 TTHC thành thủ tục Đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

22.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

23. Đề nghị chấp thuận đóng cửa chi nhánh công ty chứng khoán; Đề nghị chấp thuận đóng cửa phòng giao dịch công ty chứng khoán; Đề nghị chấp thuận đóng cửa văn phòng đại diện công ty chứng khoán

23.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 03 TTHC thành thủ tục Đề nghị chấp thuận đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

23.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

24. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán/ Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán do thay đổi tên công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán/ Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán do thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

24.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán/ Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện công ty chứng khoán do thay đổi tên hoặc địa điểm trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

24.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

25. Điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán do bổ sung nghiệp vụ kinh doanh; Điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán do rút nghiệp vụ kinh doanh

25.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Điều chỉnh Quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh công ty chứng khoán do bổ sung nghiệp vụ kinh doanh hoặc rút nghiệp vụ kinh doanh

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

25.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

26. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam/ Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam do thay đổi Trưởng đại diện, Giám đốc chi nhánh; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam/ Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam do thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở

26.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam/ Giấy phép thành lập và hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

26.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

27. Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong trường hợp đã bị thu hồi; Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong trường hợp bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân.

27.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán trong trường hợp đã bị thu hồi, bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

27.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

28. Chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn

28.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 02 TTHC thành thủ tục Chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

28.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

IV. Cục Quản lý công sản

1. Thủ tục quyết định số tiền được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư và cấp phát, quyết toán số tiền thực hiện dự án đầu tư

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

2. Thủ tục thanh toán số tiền hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà, đất khác (nếu có) của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức thuộc cùng phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, địa phương.

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

2.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

3. Thủ tục hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp phải di dời.

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

3.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

4. Thủ tục hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới cho đơn vị phải di dời.

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

4.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

5. Thủ tục ứng trước vốn cho đơn vị phải di dời thuộc trung ương quản lý.

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

5.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

6. Thủ tục ứng trước vốn cho đơn vị phải di dời thuộc địa phương quản lý.

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

6.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

7. Thủ tục hoàn trả vốn ứng trước cho đơn vị phải di dời đã thực hiện ứng trước vốn.

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

7.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

8. Thủ tục báo cáo kê khai công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

8.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

9. Thủ tục thực hiện giao việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng.

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; đồng thời dự kiến không đưa TTHC này vào Nghị định thay thế Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ.

9.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

10. Thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ.

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

10.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

11. Thủ tục báo cáo kê khai tài sản hạ tầng giao thông đường bộ.

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

11.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

12. Thủ tục bảo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng giao thông đường bộ.

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

12.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

13. Thủ tục báo cáo kê khai tài sản nhà nước.

13.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

13.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

14. Thủ tục giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

14.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 16/02/2016 của Chính phủ.

14.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

15. Thủ tục giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

15.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 16/02/2016 của Chính phủ

15.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

16. Trình tự xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

16.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006

16.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

17. Thủ tục chi trả số tiền thu được từ bán tài sản trên đất của công ty nhà nước

17.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

17.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

18. Thủ tục hỗ trợ ngừng sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp phải di dời

18.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ bãi bỏ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ không quy định TTHC này.

18.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

19. Thủ tục báo cáo kê khai, kiểm tra, lập phương án xử lý đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời

19.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đã được thay thế tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

19.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

20. Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời.

20.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thay thế Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ

20.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

21. Thủ tục xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất hoặc tính thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của doanh nghiệp được phép chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí cũ.

21.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thay thế Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ

21.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

22. Thủ tục xác lập sở hữu nhà nước đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung

22.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đã được thay thế tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ

22.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

23. Thủ tục xác lập sở hữu nhà nước đối với tài sản hạ tầng giao thông đường bộ

23.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đã được thay thế tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ

23.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

V. Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

1. Thông báo thay đổi trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở, người làm việc của văn phòng đại diện doanh nghiệp bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm nước ngoài

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

1.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

2. Nộp bảo cáo của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

2.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

3. Thông báo trường hợp doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài không có đánh giá xếp hạng tín nhiệm theo quy định

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

3.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

4. Báo cáo năm của cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

4.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

5. Báo cáo về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

5.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

6. Báo cáo về việc thay đổi địa điểm kinh doanh

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức

6.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của bảo hiểm.

7. Nhóm thủ tục: Phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm nhân thọ; Phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm liên kết chung; Phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị; Phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm hưu trí.

7.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 04 thủ tục này thành 01 thủ tục Phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

7.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

VI. Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại

1. Nhóm thủ tục: Thủ tục rút vốn theo phương thức hỗ trợ ngân sách; Thủ tục rút vốn và quản lý đối với các chương trình dựa theo phương thức tài trợ dự án.

1.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

2. Thủ tục giải ngân vốn vay JICA cho dự án hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về Công nghệ thông tin

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: dự án đã thực hiện xong, hiện nay không còn phát sinh trên thực tế

2.2. Kiến nghị thực thi: rà soát để bãi bỏ Thông tư số 05/2008/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên

3. Thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho dự án xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận I

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: không còn phát sinh trên thực tế

3.2. Kiến nghị thực thi: rà soát đề bãi bỏ Thông tư số 26/2013/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên

VII. Cục Tài chính doanh nghiệp

1. Thủ tục lập dự toán kinh phí cung ứng dịch vụ công ích nạo vét, duy tu luồng hàng hải.

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Văn bản hết hiệu lực thi hành, thủ tục hành chính không còn được quy định

1.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

2. Thủ tục tạm ứng, thanh toán dịch vụ công ích nạo vét, duy tu luồng hàng hải

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Văn bản hết hiệu lực thi hành, thủ tục hành chính không còn được quy định

2.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

3. Thủ tục tạm ứng, thanh toán dịch vụ nạo vét, duy tu luồng Hải Phòng và luồng Sài Gòn - Vũng Tàu theo cơ chế đấu thầu rộng rãi với hợp đồng trọn gói

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Văn bản hết hiệu lực thi hành, thủ tục hành chính không còn được quy định

3.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

4. Thủ tục hỗ trợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ đã bãi bỏ Quỹ HTSXĐN của Công ty mẹ, TTHC không còn phát sinh thực trên thực tế

4.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

5. Thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ đã bãi bỏ Quỹ HTSXĐN của Công ty mẹ, TTHC không còn phát sinh thực trên thực tế

5.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

6. Thủ tục tạm ứng kinh phí đặt hàng dịch vụ hoa tiêu hàng hải

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Hiện nay, phí hoa tiêu hàng hải đã chuyển sang cơ chế giá dịch vụ và giao Bộ giao thông vận tải là cơ quan chủ trì quản lý, ban hành chính sách đề quy định.

6.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

7. Thủ tục thanh toán kinh phí đặt hàng dịch vụ hoa tiêu hàng hải

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Hiện nay, phí hoa tiêu hàng hải đã chuyển sang cơ chế giá dịch vụ và giao Bộ giao thông vận tải là cơ quan chủ trì quản lý, ban hành chính sách đề quy định.

7.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

8. Thủ tục trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Hiện nay, phí hoa tiêu hàng hải đã chuyển sang cơ chế giá dịch vụ và giao Bộ giao thông vận tải là cơ quan chủ trì quản lý, ban hành chính sách đề quy định.

8.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

9. Thủ tục lập, tổng hợp, giao và phân bổ dự toán hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị thuộc các Bộ, ngành

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: đây là thủ tục thực hiện giữa cơ quan nhà nước với nhau, không phải thủ tục hành chính theo quy định tại ND 63/2010/ND-CP

9.2. Kiến nghị thực thi: Công bố bãi bỏ và đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

10. Thủ tục đề nghị hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

10.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

11. Thủ tục tạm ứng kinh phí đào tạo nguồn nhân lực

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

11.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

12. Thủ tục thanh toán kinh phí đào tạo nguồn nhân lực

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

12.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

13. Thủ tục tạm ứng kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường

13.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

13.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

14. Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường

14.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

14.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

15. Thủ tục tạm ứng kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ

15.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

15.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

16. Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ

16.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

16.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

17. Thủ tục tạm ứng kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản

17.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

17.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

18. Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản

18.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

18.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

19. Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển

19.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 thay thế Nghị định 210/2013 do Bộ Kế hoạch đầu tư xây dựng (chuyển sang thủ tục của Bộ KHĐT)

19.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

20. Thủ tục báo cáo định kỳ tại Trung Ương

20.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nội dung này là nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh giải quyết công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

20.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

21. Thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

21.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Đã được thay thế bằng Luật Thủy lợi và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ do Bộ Nông nghiệp chủ trì xây dựng (chuyển TTHC sang Bộ NN quản lý)

21.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

22. Thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất

22.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thực hiện theo thủ tục miễn giảm thuế của Tổng cục thuế quản lý

22.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

23. Thủ tục báo cáo định kỳ tại địa phương

23.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nội dung này là nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh giải quyết công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức

23.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

24. Thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con (địa phương thực hiện)

24.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ đã bãi bỏ Quỹ HTSXDN của Công ty mẹ, TTHC không còn phát sinh thực trên thực tế.

24.2. Kiến nghị thực thi: Công bố đưa ra khỏi danh mục TTHC của TCDN.

VIII. Vụ Chính sách thuế

1. Thủ tục khai gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc diện được gia hạn nộp thuế (do cấp Cục và Chi cục thuế giải quyết)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục không còn phát sinh trên thực tế; thời hạn khai gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC đã hết

1.2. Kiến nghị thực thi: rà soát để bãi bỏ Thông tư số 52/2011/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên.

2. Thủ tục khai gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN của doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được gia hạn năm 2010 tiếp tục được gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC (do cấp Cục và Chi cục thuế giải quyết)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục không còn phát sinh trên thực tế; thời hạn khai gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC đã hết

2.2. Kiến nghị thực thi: rà soát để bãi bỏ Thông tư số 52/2011/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên.

3. Thủ tục khai gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thuộc diện được gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC (do cấp Cục và Chi cục thuế giải quyết)

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục không còn phát sinh trên thực tế; thời hạn khai gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC đã hết

3.2. Kiến nghị thực thi: rà soát để bãi bỏ Thông tư số 52/2011/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên.

4. Thủ tục khai gia hạn thời hạn nộp thuế TNDN phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động theo thông tư số 52/2011/TT-BTC (do cấp Cục và Chi cục thuế giải quyết)

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục không còn phát sinh trên thực tế; thời hạn khai gia hạn theo thông tư số 52/2011/TT-BTC đã hết

4.2. Kiến nghị thực thi: rà soát để bãi bỏ Thông tư số 52/2011/TT-BTC; công bố bãi bỏ thủ tục trên.

IX. Tổng cục Thuế

1. Thủ tục Khai thuế GTGT đối với dịch vụ viễn thông (cấp Cục Thuế)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Gộp vào thủ tục Khai thuế GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp;

Căn cứ quy định tại Khoản 4 (Nơi nộp thuế), Điều 20 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về nơi nộp thuế và Điều 20, Điều 21 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, việc khai thuế GTGT đối với Cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông không còn đặc thù riêng nữa nên bãi bỏ và gộp vào thủ tục Khai thuế GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp là phù hợp.

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ.

2. Thủ tục Khai khoản thu điều tiết tháng (cấp Cục Thuế)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 1725/QĐ-TTg ngày 03/9/2016, quy định việc hết hiệu lực của Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01/03/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thu điều tiết đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu tiêu thụ trong nước của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn và Thông tư số 177/2013/TT-BTC ngày 29/11/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01/03/2013 hướng dẫn thực hiện thu điều tiết đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu tiêu thụ trong nước của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên lọc hóa dầu Bình Sơn

2.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Quyết định công bố bãi bỏ thủ tục này.

3. Thủ tục Khai quyết toán khoản thu điều tiết năm (cấp Cục Thuế)

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Khoản 2, Điều 2 Quyết định số 1725/QĐ-TTg ngày 03/9/2016, quy định việc hết hiệu lực của Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01/03/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thu điều tiết đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu tiêu thụ trong nước của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn và Thông tư số 177/2013/TT-BTC ngày 29/11/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01/03/2013 hướng dẫn thực hiện thu điều tiết đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu tiêu thụ trong nước của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên lọc hóa dầu Bình Sơn

3.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Quyết định công bố bãi bỏ thủ tục này.

4. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp (cấp Cục Thuế).

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp quy định tại Điều 56 Thông tư số 156/2013/TT-BTC, trong đó quy định phạm vi áp dụng thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp. Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính đã được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 168 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính.

Việc hoàn thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, hiện đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 12/9/2014 của Bộ tài chính (thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ về một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp. Căn cứ quy định trên, thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, không còn quy định về phạm vi áp dụng từ ngày 01/11/2013.

Theo kết quả rà soát các quy định liên quan đến một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của DN tại Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ để phù hợp với bối cảnh, tình hình mới Vụ CST Bộ Tài chính đang sự thảo tờ trình báo cáo Chính phủ soạn thảo Thông tư bãi bỏ quy định hoàn đối với trường hợp này.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định liên quan đến hoàn thuế GTGT.

5. Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp (cấp Cục Thuế)

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp quy định tại Điều 56 Thông tư số 156/2013/TT-BTC, trong đó quy định phạm vi áp dụng thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số

92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp. Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính đã được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 168 Thông tư số 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính.

Việc hoàn thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, hiện đang thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 12/9/2014 của Bộ tài chính (thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ về một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp. Căn cứ quy định trên, thủ tục Hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, không còn quy định về phạm vi áp dụng từ ngày 01/11/2013.

Theo kết quả rà soát các quy định liên quan đến một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của DN tại Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ để phù hợp với bối cảnh, tình hình mới Vụ CST Bộ Tài chính đang sự thảo tở trình báo cáo Chính phủ soạn thảo Thông tư bãi bỏ quy định hoàn đối với trường hợp này.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định liên quan đến hoàn thuế GTGT.

6. Thủ tục Khai thuế Giá trị gia tăng đối với cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN, trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh (cấp Cục Thuế)

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Gộp vào thủ tục Khai thuế GTGT chung cho các Doanh nghiệp; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2017/NĐ-CP về quy chế tài chính của EVN và sửa đổi khoản 4, Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định các công ty thủy điện thuộc EVN EVN GENCO thực hiện khai thuế GTGT theo nguyên tắc khấu trừ: Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào, nên mẫu 01/TĐ-GTGT không còn phù hợp và NNT có thể sử dụng mẫu TK 01/GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo hướng cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN khai thuế GTGT sử dụng mẫu TK 01/GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp.

7. Thủ tục Khai thuế Giá trị gia tăng đối với cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN, trường hợp nhà máy thủy điện nằm trên 1 tỉnh(cấp Cục Thuế)

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ

Lý do: Gộp vào thủ tục Khai thuế GTGT chung cho các Doanh nghiệp; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2017/NĐ-CP về quy chế tài chính của EVN và sửa đổi khoản 4, Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định các công ty thủy điện thuộc EVN EVN GENCO thực hiện khai thuế GTGT theo nguyên tắc khấu trừ: Thuế GTGT phải nộp = Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT đầu vào, nên mẫu 01/TĐ-GTGT không còn phù hợp và NNT có thể sử dụng mẫu TK 01/GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp.

7.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo hướng cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN khai thuế GTGT sử dụng mẫu TK 01/GTGT áp dụng chung cho các Doanh nghiệp.

X. Vụ Tài chính ngân hàng

1. Thủ tục Điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số.

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

2.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

3. Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

3.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

4. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

4.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

5. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

5.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

6. Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

6.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

7. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

7.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

8. Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó; Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó; Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp 03 thủ tục trên vào thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó” thành thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

8.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

9. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện.

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Đổi tên thành Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ Dự kiến doanh thu và chi phí trong 05 năm tiếp theo trong Phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ khi nộp hồ sơ xin Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP.

Lý do: Thành phần hồ sơ này đã được bãi bỏ trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh.

9.2. Kiến nghị thực thi: điểm b Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 88/2016/NĐ-CP.

10. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện.

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

10.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

11. Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện.

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Gộp vào thủ tục “Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện”.

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau.

11.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

12. Thủ tục Những thay đổi phải báo cáo tới Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện.

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị bãi bỏ.

Lý do: Đây là nội dung để thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước, không phát sinh việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

12.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi.

XI. Cục Quản lý Giá

1. Nhóm thủ tục thủ tục cấp và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục hành chính

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

2. Nhóm thủ tục đăng ký dự thi lần đầu và lần tiếp theo cấp thẻ thẩm định viên về giá, thủ tục đăng ký dự thi sát hạch đối với người có Chứng chỉ hành nghề thẩm định giá do tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp được Bộ Tài chính thừa nhận

2.1. Nội dung đơn giản hóa: gộp 03 thủ tục này thành 01 thủ tục hành chính

Lý do: Nội dung, cách thức và trình tự thực hiện thủ tục tương tự nhau

2.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố thủ tục hành chính thay đổi

XII. Vụ Đầu tư

1. Thủ tục thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN qua hệ thống Kho bạc nhà nước (cấp tỉnh)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ.

Lý do: Đã được quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN.

1.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

2. Thủ tục thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN qua hệ thống Kho bạc nhà nước (cấp huyện).

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ.

Lý do: Đã được quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN.

2.2. Kiến nghị thực thi: Thực hiện công bố bãi bỏ thủ tục hành chính.

B. Phương án đơn giản hóa

I. Tổng cục Hải quan

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 05 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Quy trình quản lý nội bộ của doanh nghiệp;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy trình quản lý nội bộ và quy chế hoạt động: Đây là quy trình quản lý và quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

2. Thủ tục công nhận kho ngoại quan

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 04 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

3. Thủ tục công nhận địa điểm thu gom hàng lẻ

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 04 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

4. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan đối với kho xăng dầu

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 04 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

5. Thủ tục công nhận kho hàng không kéo dài

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 05 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động;
- + Hợp đồng thuê kho, bãi.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm, hợp đồng thuê kho bãi: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

6. Thủ tục công nhận địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng cạn

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 04 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

7. Thủ tục công nhận địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tập trung; địa điểm chuyển phát nhanh, hàng bưu chính

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm 05 loại giấy tờ trong hồ sơ gồm:

- + Tài liệu mô tả chương trình phần mềm quản lý;
- + Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng địa điểm;
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy;
- + Quy chế hoạt động;
- + Giấy phép bưu chính hoặc thông báo hoạt động bưu chính.

Lý do:

+ Tài liệu mô tả phần mềm quản lý: Theo quy định về điều kiện công nhận, doanh nghiệp đã đáp ứng có phần mềm quản lý hàng hóa và hệ thống camera giám sát, do đó trong hồ sơ đề nghị công nhận không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp tài liệu mô tả phần mềm quản lý kho.

+ Quy chế hoạt động: Đây là quy chế nội bộ của doanh nghiệp nên không cần thiết cần phải nộp trong hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Giấy chứng minh quyền sử dụng địa điểm, giấy phép bưu chính hoặc thông báo hoạt động bưu chính: Được cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế theo trình tự quy định trước khi giải quyết thủ tục.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy trong hồ sơ đề nghị công nhận: Theo quy định tại Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung thì các công trình xây dựng đều phải có chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy, chữa cháy do cơ quan Công an cấp và thực hiện kiểm tra rất chặt chẽ, do đó cơ quan Hải quan không cần thiết yêu cầu doanh nghiệp nộp loại giấy tờ này.

Mặt khác, những giấy tờ trên doanh nghiệp sẽ phải khai trong mẫu đơn đề nghị giải quyết thủ tục và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung kê khai.

7.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 liên quan đến nội dung đơn giản hóa

8. Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

8.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ “Chứng minh thư nhân dân” ra khỏi hồ sơ xin cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn thành và chính thức đưa vào vận hành.

Lý do: Thực hiện theo yêu cầu tại Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ ngày 09/10/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

8.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 theo hướng: Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức thì đối tượng thực hiện thủ tục hành chính vẫn phải nộp 01 bản sao chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.

9. Thủ tục thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bộ “Chứng minh thư nhân dân” ra khỏi hồ sơ xin cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoàn thành và chính thức đưa vào vận hành.

Lý do: Thực hiện theo yêu cầu tại Nghị quyết số 104/NQ-CP của Chính phủ ngày 09/10/2017 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

9.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 theo hướng: Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức thì đối tượng thực hiện thủ tục hành chính vẫn phải nộp 01 bản sao chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.

II. Kho bạc nhà nước

1. Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Quy định rõ thời hạn giải quyết TTHC là không quá 30 phút kể từ khi KBNN (hoặc ngân hàng hoặc cơ quan thu) nhận đủ hồ sơ của người nộp NSNN đối với trường hợp nộp trực tiếp

Lý do: quy định cụ thể thời gian với mục đích tăng sự giám sát việc tuân thủ thời hạn của người nộp ngân sách và việc chấp hành thời hạn của cơ quan giải quyết TTHC

1.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

2. Thủ tục hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Quy định việc hoàn trả NSNN bằng tiền mặt chỉ được thực hiện đối với các cá nhân, không áp dụng đối với tổ chức

Lý do: nhằm hạn chế thanh toán không dùng tiền mặt theo định hướng chung của Chính phủ

2.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

3. Thủ tục kiểm soát thanh toán các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời hạn giải quyết của các TTHC đối với chi thường xuyên là từ 02 ngày xuống 01 ngày làm việc đối với khoản tạm ứng và chi từ tài khoản tiền gửi không kiểm soát, giảm từ 03 ngày xuống 02 ngày làm việc đối với khoản thanh toán

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

3.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

4. Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

4.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời hạn giải quyết của các TTHC đối với chi đầu tư là từ 04 ngày xuống 03 ngày làm việc; bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

4.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

5. Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

5.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện, bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

5.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

6. Thủ tục kiểm soát chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước

6.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời hạn giải quyết của các TTHC đối với chi đầu tư là từ 04 ngày xuống 03 ngày làm việc; bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết

Lý do: KBNN đã thực hiện rà soát và đánh giá lại sự cần thiết của một số hồ sơ trong quá trình kiểm soát chi thì thấy rằng có một số hồ sơ không cần thiết phải gửi đến KBNN; mặt khác với định hướng cải cách là tăng tính tự chịu trách nhiệm cho đơn vị giao dịch và tăng cường hậu kiểm của KBNN, thì một số thành phần hồ sơ không gửi đến KBNN mà sẽ được thanh tra, kiểm tra sau

6.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

7. Thủ tục kiểm soát thanh toán đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

7.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời hạn giải quyết của các TTHC đối với chi đầu tư là từ 04 ngày xuống 03 ngày làm việc; bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

7.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

8. Thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước

8.1. Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung quy định việc gửi hồ sơ và làm thủ tục qua dịch vụ bưu chính và qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, Rút ngắn thời hạn giải quyết của thủ tục mở và sử dụng tài khoản và quy định cụ thể thời hạn giải quyết của một số TTHC

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

8.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

9. Thủ tục kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

9.1. Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian thực hiện TTHC đối với thủ tục cam kết chi từ 2 ngày xuống còn 1 ngày làm việc

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

9.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

10. Thủ tục hạch toán ghi thu, ghi chi vốn nước ngoài qua Kho bạc Nhà nước (không bao gồm khoản viện trợ không kèm khoản vay)

10.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết, rút ngắn thời gian thực hiện; Bổ sung quy định việc gửi hồ sơ và làm thủ tục qua dịch vụ bưu chính và qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

10.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

11. Thủ tục tất toán tài khoản của đơn vị giao dịch mở tại Kho bạc Nhà nước

11.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết, rút ngắn thời gian thực hiện; Bổ sung quy định việc gửi hồ sơ và làm thủ tục qua dịch vụ bưu chính và qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

11.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

12. Thủ tục đối chiếu, xác nhận số dư tài khoản của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước

12.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ một số thành phần hồ sơ không cần thiết, rút ngắn thời gian thực hiện

Lý do: xuất phát từ việc cải cách, sửa đổi quy trình, thủ tục theo hướng đơn giản hóa thì dẫn đến thời gian giải quyết thủ tục cho các đơn vị giao dịch sẽ giảm. Với việc giảm thời hạn này, sẽ giảm chi phí cho các đơn vị giao dịch

12.2. Kiến nghị thực thi: Quy định tại dự thảo Nghị định của Chính phủ về TTHC trong lĩnh vực KBNN

III. Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm

1. Cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ 02 tiêu chí thành phần hồ sơ gồm: Văn bản ủy quyền tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP và bộ Giấy ủy quyền tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP

Lý do: Tại dự thảo Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, Bộ Tài chính đã sửa đổi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định 73/2016/NĐ-CP theo hướng bỏ quy định về việc doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

có văn bản ủy quyền cho Giám đốc chi nhánh là người chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ các hoạt động của chi nhánh nước ngoài nên cần thiết sửa đổi quy định về hồ sơ tương ứng tại khoản 9 Điều 13 Nghị định 73/2016/NĐ-CP

1.2. Kiến nghị thực thi: Ban hành Quyết định công bố TTHC sửa đổi sau khi dự thảo Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh được ban hành

IV. Tổng cục Thuế

1. Thủ tục Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (cấp Tổng cục Thuế)

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ quy định nộp Sơ yếu lý lịch cá nhân trong thành phần hồ sơ.

Lý do: Gộp các thông tin cần thiết về cá nhân tại Sơ yếu lý lịch cá nhân, bổ sung vào Đơn đăng ký dự thi.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 12 Thông tư số 117/2012/TT-BTC

2. Thủ tục Đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (cấp Tổng cục Thuế)

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ quy định nộp Sơ yếu lý lịch cá nhân trong thành phần hồ sơ và Bổ sung hình thức trả Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế qua dịch vụ bưu chính.

Lý do: Gộp các thông tin cần thiết về cá nhân tại Sơ yếu lý lịch cá nhân, bổ sung vào Đơn đăng ký dự thi và Bổ sung hình thức trả Chứng chỉ để tạo thuận lợi cho người được cấp chứng chỉ.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 13,14,15 Thông tư số 117/2012/TT-BTC và Khoản 5, Điều 1 Thông tư số 51/2017/TT-BTC.

V. Cục QLGS Kế toán - Kiểm toán

1. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm bớt điều kiện và hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của các doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài theo Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Lý do: Nhằm đơn giản hóa điều kiện và hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam của các doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài.

1.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ các điểm b, d, đ khoản 1 Điều 30 và Bãi bỏ các điểm b, d khoản 1 Điều 34 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán.

2. Đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ một số tài liệu trong hồ sơ đăng ký kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng (Điều 9 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm toán viên hành nghề, tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng) như sau:

- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.
- Bản mô tả về việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.
- Bản sao chứng thực hợp đồng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đang còn hiệu lực trong trường hợp tổ chức kiểm toán không trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Lý do: Thực hiện Quyết định số 832/QĐ-BTC ngày 31/5/2018 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, theo đó đơn giản hóa thủ tục hành chính.

2.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Khoản 2 Điều 9, Điểm g Khoản 4 Điều 9, và Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 84/2016/NĐ-CP (Bộ Tài chính đang trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính).

3. Đăng ký thực hiện cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán.

3.1. Nội dung đơn giản hóa: Bỏ "Danh sách tối thiểu 20 kiểm toán viên hành nghề của doanh nghiệp kiểm toán" trong hồ sơ đăng ký tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên của doanh nghiệp kiểm toán (Điểm b Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 150 /2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn cập nhật kiến thức hàng năm cho kiểm toán viên đăng ký hành nghề kiểm toán).

Lý do: Theo quy định tại Thông tư số 202/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính thì Bộ Tài chính quản lý, công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán. Do đó, không yêu cầu doanh nghiệp kiểm toán phải nộp danh sách kiểm toán viên hành nghề.

3.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Điểm b Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 150/2012/TT-BTC./.

